

Số: /QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công
trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục **1996 thủ tục hành chính** (TTHC), nhóm thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần do Thành phố xây dựng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể:

+ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình có **1.778 TTHC**, trong đó 1561 TTHC thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh; 274 TTHC thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp xã; 30 TTHC thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan khác.

+ Dịch vụ công trực tuyến một phần có **218 TTHC**, trong đó 186 TTHC thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh; 31 TTHC thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp xã; 01 TTHC thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; hướng dẫn,

đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1565/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2025.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố cấu hình quy trình giải quyết các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến.

4. Giao các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cập nhật, công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp; danh mục thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần do Thành phố xây dựng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Các Sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thường xuyên rà soát, công bố đảm bảo danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; nghiên cứu, giải pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo hoặc kiến nghị Bộ, ngành sửa đổi, điều chỉnh quy định đảm bảo tất cả 100% thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công toàn trình phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các phòng NCTH thuộc Văn phòng;
- Trung tâm PVHCC, Trung tâm TTĐTTP;
- Lưu: VT,(KSTT/N).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

PHỤ LỤC II
Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần tại cấp tỉnh, cấp xã
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	MÃ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT		
				CẤP TỈNH	CẤP XÃ	CƠ QUAN KHÁC
1	1.013218	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	X		
2	1.013234	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	X		
3	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	X		
4	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	X		
5	1.01323	Cấp Giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	X		

6	1.013230. H29	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	X		
7	1.013233	Gia hạn Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	X		
8	1.013233. H29	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	X		
9	1.011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	X		
10	2,000,005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
11	2,002,005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
12	2,002,004	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
13	2,000,024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
14	1,000,016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
15	2.0028	Công bố Danh mục khu đất dự kiến	Đất đai	X		

		thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất				
16	1.0138	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	X		
17	1.0138	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	X		
18	1.0138	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai	X		
19	1.0138	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai	X		
20	11.014	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai	X		
21	1E+06	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biên để thực hiện hoạt động lấn biển	Đất đai	X		
22	1.0139	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất đa mục đích	Đất đai	X		
23	1.0128	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	X		
24	1.0128	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai	X		
25	1.014	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	X		

26	1.0128	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	X		
27	1.0128	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	X		
28	1.0128	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	X		
29	1.0128	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai		X	
30	1.0139	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai		X	
31	1.014	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai		X	
32	1.014	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai		X	
33	1.014	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai		X	
34	1.014	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai		X	

35	1.0128	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai		X	
36	1.0128	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai		X	
37	1.0128	Thu hồi Giấy chứng nhận lần đầu đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai		X	
38	1.014	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai		X	
39	1.014	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai		X	
40	1.014	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai		X	
41	2.0012	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
42	1.0045	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	X		

43	1.0045	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
44	1.0079	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Bảo vệ thực vật	X		
45	1.0079	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	X		
46	1.0079	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	X		
47	1.0101	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	X		
48	1.008	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Trồng trọt	X		
49	1.0121	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
50	1.0081	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi	X		
51	1.011	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	X		
52	1.0128	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	X		
53	1.0081	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	X		
54	1.0128	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	X		
55	1.0128	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	X		
56	1.0128	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi	X		
57	1.0128	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống	Chăn nuôi		X	

		nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước				
58	1.0048	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y	X		
59	1.0047	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y	X		
60	1.0024	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	X		
61	1.0037	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y	X		
62	1.004	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	X		
63	1.0115	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y	X		
64	1.0115	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y	X		
65	2.0009	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Thú y	X		
66	1.0025	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	X		
67	1.0138	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	X		
68	1.0138	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	X		
69	1.0138	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	X		
70	1.0017	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	X		

71	1.0023	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Thú y	X		
72	1.014	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y		X	
73	1.0116	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo		X	
74	1.0116	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo		X	
75	1.0116	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo		X	
76	1.0116	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo		X	
77	1.0049	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	X		
78	1.0047	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	X		
79	1.0047	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Thủy sản	X		
80	1.0047	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thủy sản	X		
81	1.0047	Công bố mở cảng cá loại I	Thủy sản	X		
82	1.0039	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	X		
83	1.0037	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do Trung ương quản lý)	Thủy sản	X		
84	1.0049	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở	Thủy sản	X		

		sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)				
85	1.0049	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	X		
86	1.0036	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản			X
87	1.0047	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Thủy sản	X		
88	1.0036	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản	X		
89	1.0036	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Thủy sản	X		
90	1.0036	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Thủy sản	X		
91	2.0012	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X		
92	2.0018	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X		
93	2.0017	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X		
94	1.0041	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	X		
95	2.0017	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	X		
96	1.0042	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	X		
97	1.0042	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	X		
98	1.0042	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	X		

99	1.0042	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	X		
100	1.0042	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Tài nguyên nước	X		
101	1.0042	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	X		
102	1.0138	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước	X		
103	2.0019	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mọc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	X		
104	1.0054	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
105	1.0049	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
106	1.0054	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
107	1.0054	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
108	1.0095	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Biển và Hải đảo	X		
109	1.0052	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
110	2.0005	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
111	1.001	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
112	1.0009	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
113	2.0004	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
114	3.0004	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và Hải đảo	X		
115	3.0004	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và Hải đảo	X		
116	3.0004	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và Hải đảo	X		
117	3.0004	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và Hải đảo	X		

118	1.0007	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
119	3.0004	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và Hải đảo		X	
120	3.0004	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và Hải đảo		X	
121	3.0004	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và Hải đảo		X	
122	3.0004	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và Hải đảo		X	
123	3.0004	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và Hải đảo		X	
124	3.0002	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
125	1.0001	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
126	1.0079	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
127	1.0127	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
128	1.0115	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
129	1.0001	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
130	1.0127	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
131	1.0127	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		

132	1.0079	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
133	1.0001	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
134	1.0001	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
135	3.0005	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
136	3.0005	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
137	1.0127	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
138	3.0003	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
139	1.0079	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
140	1.0125	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
141	1.0127	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
142	1.0115	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	

143	1.0107	Thẩm định đánh giá tác động môi trường	Môi trường	X		
144	1.0107	Cấp giấy phép môi trường	Môi trường	X		
145	1.0107	Cấp lại giấy phép môi trường	Môi trường	X		
146	1.0107	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Môi trường	X		
147	1.0107	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường		X	
148	1.0087	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
149	1.0042	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
150	1.0084	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai	X		
151	1.0084	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp Tỉnh)	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai	X		
152	1.0084	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai	X		
153	1.0136	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai	X		
154	1.0001	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	Đo đạc và Bản đồ	X		
155	1.0034	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khuyến nông	X		
156	1.0034	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khuyến nông	X		
157	1.0041	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích	Địa chất và khoáng sản	X		

		dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch				
158	1.0045	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
159	2.0018	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
160	1.0054	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
161	2.0018	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
162	1.0041	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò	Địa chất và khoáng sản	X		
163	1.0044	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Địa chất và khoáng sản	X		
164	2.0018	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
165	1.0043	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
166	1.0043	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
167	2.0018	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
168	1.0043	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
169	2.0018	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
170	1.0008	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
171	1.0044	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
172	1.0044	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	X		
173	1.0044	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		

174	1.0133	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	X		
175	1.0133	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	X		
176	1.0133	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	X		
177	1.0133	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	X		
178	1.0133	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	X		
179	1.0133	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	X		
180	1.00382	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
181	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
182	1,003,724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Hóa chất	X		
183	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	X		
184	1,012,438	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	X		
185	101,244	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất	X		
186	1.012441	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	X		
187	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	X		
188	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
189	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
190	2.001547	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
191	2.001172	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		

192	1.002758	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
193	2.000652	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
194	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
195	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
196	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
197	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
198	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Khoa học công nghệ	X		
199	2,000,637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
200	2,000,626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
201	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/ năm)	Công nghiệp tiêu dùng	X		
202	2,000,197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
203	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
204	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Công nghiệp tiêu dùng	X		
205	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Công nghiệp tiêu dùng	X		
206	1,004,007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Công nghiệp tiêu dùng	X		
207	1,000,981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
208	1,000,911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		

209	2,000,209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	X		
210	1,000,162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
211	1,000,172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
212	1,000,949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	X		
213	2,000,633	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước		X	
214	2,000,629	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước		X	
215	2.00062	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước		X	
216	2.000615	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước		X	
217	2.000181	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng		X	
218	2.000162	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng		X	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

PHỤ LỤC I
Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại cấp tỉnh, cấp xã
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	MÃ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT		
				CẤP TỈNH	CẤP XÃ	CƠ QUAN KHÁC
1	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	X		
2	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	X		
3	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn thực phẩm	X		
4	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	X		
5	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	X		
6	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm	X		
7	1.003524	Thủ tục Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	X		
8	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Bảo vệ thực vật	X		
9	2.000191	Đăng ký, đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	X		
10	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí	X		

11	2.00039	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí	X		
12	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí	X		
13	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
14	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
15	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí	X		
16	2.00018	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
17	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí	X		
18	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí	X		
19	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí	X		
20	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí	X		
21	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
22	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
23	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí	X		
24	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
25	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí	X		
26	1,000,455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Kinh doanh khí	X		
27	1,000,709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí	X		
28	1.00051	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí	X		
29	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí	X		
30	1,000,387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí	X		

31	1.00519	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	X		
32	2.00011	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	X		
33	2.00064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
34	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
35	2.00063	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Công nghiệp tiêu dùng	X		
36	1,003,992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Công nghiệp tiêu dùng	X		
37	1,000,948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
38	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	X		
39	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	X		
40	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	X		
41	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	Quản lý bán hàng đa cấp	X		
42	1,003,705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	X		
43	2,000,324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	X		
44	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
45	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
46	2.00021	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	X		
47	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ	X		
48	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Phát triển và quản lý chợ	X		
49	1,000,376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
50	1,000,361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
51	2,000,129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		

52	1,000,358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
53	1,000,168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
54	2.000063	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
55	2.000347	Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
56	2.00045	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
57	2.000327	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	X		
58	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế	X		
59	2.000.255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
60	2.00037	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
61	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
62	2.000.351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
63	2.000.340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
64	2.000.330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
65	2.000.272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		

66	2.000.361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
67	1.000.774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
68	2.000.339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
69	2.000.334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
70	2.000.322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
71	2.002.166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
72	2.000.665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
73	1.001.441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
74	2.000.662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Hoạt động của thương nhân nước ngoài	X		
75	100,339	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	X		
76	100,088	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	X		
77	100,339	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	X		
78	2,000,026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	X		
79	2,000,133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	X		
80	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		

81	2.002605	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		
82	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		
83	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		
84	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		
85	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	X		
86	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	X		
87	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		
88	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	X		
89	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	X		
90	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	X		
91	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
92	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	Hóa chất	X		
93	2,000,431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
94	2,000,257	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất	X		
95	1,012,429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
96	101,243	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
97	1,012,431	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	X		
98	1,012,432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất	X		
99	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất	X		

100	1,012,434	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất	X		
101	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất	X		
102	1,012,442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất	X		
103	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
104	2.001175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
105	2.001161	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất	X		
106	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	X		
107	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	X		
108	1.0134	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	X		
109	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	X		
110	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	X		
111	2.0013	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	X		
112	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
113	1,003,101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu.	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
114	2,000,598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		

115	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
116	1,013,394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực	X		
117	1,013,395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực	X		
118	1,013,004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	X		
119	1,013,005	Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	X		
120	2,002,676	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	X		
121	1,013,652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoáng sản	X		
122	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	X		
123	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	X		
124	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	X		
125	2,001,675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	X		
126	2,001,665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	X		
127	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	X		
128	2.000066	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	X		
129	2.00014	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	X		
130	1,013,778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Xuất nhập khẩu	X		
131	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Xuất nhập khẩu	X		
132	1.003438	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu	X		

133	1.001419	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu	X		
134	1.00035	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	X		
135	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	X		
136	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	X		
137	1.003438	Cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Xuất nhập khẩu	X		
138	1,001,062	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	X		
139	1,000,957	Cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	X		
140	1,000,905	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	X		
141	100,089	Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	X		
142	1,004,155	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu	X		
143	1,004,181	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu	X		
144	2,001,758	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu	X		
145	1,000,551	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	X		
146	1,000,477	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	X		
147	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Xuất nhập khẩu	X		
148	1.0004	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Xuất nhập khẩu	X		
149	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	Xuất nhập khẩu	X		
150	1.001104	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	Xuất nhập khẩu	X		

151	1.004191	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	X		
152	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	X		
153	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu D	Xuất nhập khẩu	X		
154	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	Xuất nhập khẩu	X		
155	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	Xuất nhập khẩu	X		
156	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	Xuất nhập khẩu	X		
157	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	Xuất nhập khẩu	X		
158	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Xuất nhập khẩu	X		
159	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu	X		
160	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu	X		
161	1,001,279	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước		X	
162	2.00124	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước		X	
163	2.00015	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng		X	
164	2.00262	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		X	
165	2.00127	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí		X	
166	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Lữ hành	X		
167	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể.	Lữ hành	X		
168	1.003742	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Lữ hành	X		
169	1.003717	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Lữ hành	X		

170	1.00324	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Lữ hành	X		
171	1.003275	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Lữ hành	X		
172	1.005161	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Lữ hành	X		
173	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Lữ hành	X		
174	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Lữ hành	X		
175	1.004605	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Lữ hành	X		
176	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Lữ hành	X		
177	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Lữ hành	X		
178	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Lữ hành	X		
179	1.00144	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Lữ hành	X		
180	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Lữ hành	X		
181	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Lữ hành	X		
182	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Lữ hành	X		
183	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Lữ hành	X		
184	1.012655	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
185	1.01266	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		

186	1.012657	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
187	1.012656	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
188	1.012653	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
189	1.012664	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
190	1.012648	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
191	1.012646	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
192	1.012645	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
193	1.014339	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
194	1.012607	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
195	1.012606	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
196	1.012605	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
197	1.012629	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
198	1.012628	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		

199	1.012616	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Tín ngưỡng, tôn giáo	X		
200	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo		X	
201	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo		X	
202	1.013798	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo		X	
203	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo		X	
204	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo		X	
205	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	X		
206	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet	X		
207	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet	X		
208	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet	X		
209	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	X		
210	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet	X		
211	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	X		

212	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	X		
213	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	X		
214	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	X		
215	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	X		
216	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	X		
217	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	X		
218	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	Viễn thông và Internet	X		

219	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đầu giá	Viễn thông và Internet	X		
220	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet	X		
221	1.0139	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	X		
222	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	X		
223	1.01391	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đầu giá	Viễn thông và Internet	X		
224	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	X		
225	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô	Viễn thông và Internet	X		

		tuyển điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông				
226	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet	X		
227	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet	X		
228	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet	X		
229	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	X		
230	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	X		
231	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện	X		

232	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện	X		
233	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	X		
234	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	X		
235	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	X		
236	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	X		
237	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	X		
238	2.00279	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	X		
239	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	X		
240	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	X		
241	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	X		
242	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	X		
243	2.00278	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	X		
244	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	X		
245	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	X		
246	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	X		
247	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	X		

248	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	X		
249	1.013941	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam-	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
250	1.013938	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài-	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
251	1.013926	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
252	1.01392	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
253	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
254	3.000464	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
255	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
256	3.00046	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
257	3.000463	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
258	3.000459	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
259	3.000461	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
260	3.000458	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
261	3.000457	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
262	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		

263	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
264	3.000455	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
265	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
266	3.000454	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
267	3.000453	Thủ tục cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
268	3.00045	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
269	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
270	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
271	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
272	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
273	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
274	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		

275	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
276	3.000484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
277	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
278	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
279	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
280	3.00048	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
281	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		

282	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
283	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
284	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
285	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
286	3.00047	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
287	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
288	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
289	3.000259	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
290	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
291	1.01182	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
292	1.011818	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		

293	1.011819	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
294	1.011816	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
295	1.011814	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
296	1.011812	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
297	1.011815	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
298	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
299	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
300	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
301	1.008377	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
302	1.008379	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp Tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
303	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
304	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		

305	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
306	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
307	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
308	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
309	1.00177	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
310	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
311	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
312	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
313	1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
314	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
315	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ	X		
316	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ	X		
317	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ	X		
318	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
319	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		

320	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)	Bưu chính	X		
321	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính	X		
322	1.00447	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	X		
323	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính	X		
324	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	X		
325	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	X		
326	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Bưu chính	X		
327	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
328	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
329	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
330	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
331	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
332	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
333	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
334	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
335	2,001,717	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	X		
336	2,001,683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	X		
337	1,014,111	Thủ tục thi tuyển công chức	Công chức	X		
338	1,014,113	Thủ tục xét tuyển công chức	Công chức	X		

339	1,014,116	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức	Công chức	X		
340	1,012,299	Thủ tục thi tuyển viên chức	Viên chức	X		
341	1,012,300	Thủ tục xét tuyển viên chức	Viên chức	X		
342	1,013,017	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
343	1,013,018	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
344	1,013,019	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
345	1,013,020	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
346	1,013,021	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động.	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
347	1,013,022	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ.	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
348	1,013,023	Thủ tục quỹ tự giải thể.	Quản lý nhà nước về quỹ	X		
349	1,102,927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	Quản lý nhà nước về hội	X		
350	1,102,929	Thủ tục thành lập hội.	Quản lý nhà nước về hội	X		
351	11,012,942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.	Quản lý nhà nước về hội	X		
352	1,102,931	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	Quản lý nhà nước về hội	X		
353	1,012,945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.	Quản lý nhà nước về hội	X		
354	1,012,946	Thủ tục hội tự giải thể.	Quản lý nhà nước về hội	X		
355	1,012,947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện	Quản lý nhà nước về hội	X		
356	1,012,948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn.	Quản lý nhà nước về hội	X		
357	1,001,881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.	Việc làm	X		
358	1,001,865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	Việc làm	X		
359	1,001,853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	Việc làm	X		
360	1,001,823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	X		

361	1,009,874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	X		
362	1,009,873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	X		
363	1,000,105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	X		
364	2,000,219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	Việc làm	X		
365	2,000,205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	X		
366	2,000,192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	X		
367	1,009,811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	X		
368	1,000,459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	X		
369	1,001,978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	X		
370	1,001,973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	X		
371	1,001,966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	X		
372	2,001,953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	X		
373	2,000,178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi)	Việc làm	X		
374	1,000,401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đến)	Việc làm	X		
375	1,000,362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm	X		
376	1,013,337	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.	An toàn vệ sinh lao động	X		
377	2,000,134	Khai báo với Sở Nội vụ khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn vệ sinh lao động	X		
378	2,000,111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	An toàn vệ sinh lao động	X		

379	1,005,449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn vệ sinh lao động	X		
380	1,005,450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	An toàn vệ sinh lao động	X		
381	2,002,341	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	An toàn vệ sinh lao động	X		
382	2,002,343	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp.	An toàn vệ sinh lao động	X		
383	1,005,451	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ	An toàn vệ sinh lao động	X		

		chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C				
384	1,005,448	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C	An toàn vệ sinh lao động	X		
385	1,013,723	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	An toàn vệ sinh lao động	X		
386	2,001,955	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp.	Lao động tiền lương	X	X	
387	1,000,479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.	Lao động tiền lương	X		
388	1,000,464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.	Lao động tiền lương	X		
389	1,000,448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.	Lao động tiền lương	X		
390	1,000,436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.	Lao động tiền lương	X		
391	1,000,414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.	Lao động tiền lương	X		
392	1,009,466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể.	Lao động tiền lương	X		
393	1,009,467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Lao động tiền lương	X		
394	1,012,091	Thủ tục đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lao động tiền lương	X		
395	1,013,727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	Lao động ngoài nước	X		
396	1,013,728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	Lao động ngoài nước	X		

397	1,013,729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	Lao động ngoài nước	X		
398	1,013,730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	Lao động ngoài nước	X		
399	1,013,731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Lao động ngoài nước	X		
400	1,013,732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Lao động ngoài nước	X		
401	1,013,733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Lao động ngoài nước	X		
402	1,005,132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Lao động ngoài nước	X		
403	2,002,105	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Lao động ngoài nước	X		
404	1,000,502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Lao động ngoài nước	X		
405	1,000,504	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	X		
406	1,010,802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	X		
407	1,010,823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Người có công	X		
408	1,010,826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công	X		
409	1,013,195	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	Chính sách	X		
410	1,010,827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công	X		
411	1,010,828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công	X		
412	1,010,830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	X		
413	1,013,746	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	Người có công	X		

414	1,004,964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công		X	
415	1,013,734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	quản lý lao động, ngoài nước		X	
416	1,011,546	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Việc làm		X	
417	1,013,724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	Việc làm		X	
418	1,012,426	Thủ tục tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” cho cá nhân theo công trạng.	Thi đua-Khen thưởng		X	
419	1,012,927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	Quản lý nhà nước về hội		X	
420	1,012,929	Thủ tục thành lập hội.	Quản lý nhà nước về hội		X	
421	1,012,942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội		X	
422	1,012,943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội		X	
423	1,012,945	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	Quản lý nhà nước về hội		X	
424	1,012,946	Thủ tục hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội		X	
425	1,012,948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội		X	
426	1,013,017	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
427	1,013,018	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
428	1,013,019	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
429	1,013,020	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
430	1,013,021	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
431	1,013,022	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
432	1,013,023	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về quỹ		X	
433	1,010,812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công		X	

434	1,010,833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công.	Người có công		X	
435	1,010,803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công		X	
436	1,010,804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.	Người có công		X	
437	2,001,610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
438	2,001,583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
439	2,001,199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
440	2,002,043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
441	2,002,042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
442	2,002,041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
443	2,002,011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
444	2,002,010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
445	2,002,009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
446	1,005,114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
447	2,002,000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
448	2,001,996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
449	2,001,993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		

450	2,002,044	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
451	2,001,954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
452	2,002,069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
453	2,002,070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
454	2,002,031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
455	2,002,045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
456	1,010,026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
457	2,002,085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
458	2,002,083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
459	2,002,059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		

460	2,002,060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
461	2,002,057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
462	2,002,034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
463	2,002,032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
464	2,002,033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
465	2,002,018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
466	2,002,017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
467	2,002,015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
468	2,002,029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
469	2,002,023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
470	2,002,020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		

471	2,002,016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
472	2,000,368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
473	2,000,416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
474	2,000,375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
475	1,010,029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
476	1,010,010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
477	1,010,023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
478	1,005,169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
479	2,002,008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	X		
480	2,002,635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
481	2,002,636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	

482	2,002,637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
483	2,002,638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
484	2,002,639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
485	2,002,640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
486	2,002,641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
487	2,002,642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
488	2,002,643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
489	2,002,644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
490	2,002,645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
491	2,002,646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
492	2,002,648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
493	2,002,649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	

494	2,002,650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
495	1,005,280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
496	2,002,123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
497	1,005,277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
498	1,004,901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
499	1,004,979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
500	2,001,958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
501	1,005,378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
502	1,005,377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
503	2,001,973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
504	1,004,982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	

505	1,005,010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
506	2,002,226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
507	2,002,228	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
508	2,002,668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
509	1014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		X	
510	1,001,612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		X	
511	2,000,720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		X	
512	1,001,570	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		X	
513	2,000,575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		X	
514	2,002,418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
515	2,001,999	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	X		
516	2,002,206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Công nghệ thông tin	X		
517	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch , bản sao giấy khai sinh	Hộ tịch	X	X	
518	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	X	X	
519	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.	Hộ tịch		X	
520	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
521	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	

522	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.	Hộ tịch		X	
523	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
524	2.000756	Chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
525	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch		X	
526	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	Hộ tịch		X	
527	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch		X	
528	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
529	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch		X	
530	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
531	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch		X	
532	1.001193	Đăng ký khai sinh.	Hộ tịch		X	
533	1.000656	Đăng ký khai tử	Hộ tịch		X	
534	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch		X	
535	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch		X	
536	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch		X	
537	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch		X	
538	1.004837	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch		X	
539	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch		X	
540	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch		X	
541	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch		X	
542	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
543	1.004873	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch		X	
544	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch		X	
545	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	X		

546	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi		X	
547	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	X		
548	2.000954	Cấp lại giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	X		
549	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	X		
550	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	X		
551	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	X		
552	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	X		
553	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	X		
554	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại	X		
555	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
556	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại	X		
557	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
558	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
559	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	X		
560	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	X		
561	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	X		
562	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại	X		
563	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc	Trọng tài thương mại	X		

		Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.				
564	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	X		
565	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	X		
566	1.00889	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	X		
567	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	X		
568	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	X		
569	2.000007	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	X		
570	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	X		
571	1.012027	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	X		
572	1.01381	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	X		
573	1.001438	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	X		
574	1.012031	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	X		
575	1.012026	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	X		
576	1.013803	Bổ nhiệm Công chứng viên	Công chứng	X		
577	1.013804	Bổ nhiệm lại Công chứng viên	Công chứng	X		
578	1.013805	Miễn nhiệm Công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	X		
579	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	X		
580	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	X		

581	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	X		
582	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	X		
583	1.013635	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	X		
584	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	X		
585	2.001258	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	X		
586	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
587	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
588	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
589	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
590	1.001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
591	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	X		
592	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	X		
593	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại	X		
594	1.00891	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Hòa giải thương mại	X		
595	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	X		
596	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	X		

597	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Hòa giải thương mại	X		
598	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	X		
599	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	X		
600	1.002211	Bầu hòa giải viên/ Công nhận hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật		X	
601	2.00093	Thôi làm hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật		X	
602	2.00095	Bầu Tổ trưởng Tổ hòa giải/ Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật		X	
603	2.00208	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật		X	
604	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật		X	
605	2.000908	Cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực		X	
606	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực		X	
607	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Phổ biến giáo dục pháp luật	X		
608	3.000024	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Phổ biến giáo dục pháp luật	X		
609	1.002.396	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thẻ dực thể thao	X		
610	1.000.953	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thẻ dực thể thao	X		
611	1.000.936	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Thẻ dực thể thao	X		
612	1.000.920	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thẻ dực thể thao	X		
613	1.001.195	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thẻ dực thể thao	X		

614	1.000.904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thẻ dực thể thao	X		
615	1.000.883	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thẻ dực thể thao	X		
616	1.000.863	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	Thẻ dực thể thao	X		
617	1.000.847	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thẻ dực thể thao	X		
618	1.000.830	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Thẻ dực thể thao	X		
619	1.000.814	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thẻ dực thể thao	X		
620	1.000.644	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Thẻ dực thể thao	X		
621	1.000.842	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thẻ dực thể thao	X		
622	1.005.163	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Thẻ dực thể thao	X		
623	2.002.188	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thẻ dực thể thao	X		
624	1.000.594	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Thẻ dực thể thao	X		
625	1.000.560	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thẻ dực thể thao	X		
626	1.000.544	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thẻ dực thể thao	X		
627	1.001.213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thẻ dực thể thao	X		
628	1.000.518	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Thẻ dực thể thao	X		
629	1.000.501	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Thẻ dực thể thao	X		
630	1.000.485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thẻ dực thể thao	X		

631	1.005.357	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thẻ dực thể thao	X		
632	1.001.801	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thẻ dực thể thao	X		
633	1.001.500	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Thẻ dực thể thao	X		
634	1.005.162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thẻ dực thể thao	X		
635	1.001.517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thẻ dực thể thao	X		
636	1.001.527	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Thẻ dực thể thao	X		
637	1.001.056	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thẻ dực thể thao	X		
638	1.000.983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng	Thẻ dực thể thao	X		
639	1.003.441	thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thẻ dực thể thao	X		
640	1.002.445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thẻ dực thể thao	X		
641	1.002.022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thẻ dực thể thao	X		
642	1.001.782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thẻ dực thể thao	X		
643	1.002.013	thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thẻ dực thể thao	X		
644	1.011.454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh	X		
645	1.004.645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Văn hóa cơ sở	X		
646	1.004.650	Thủ tục Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Văn hóa cơ sở	X		

647	1.004.639	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	X		
648	1.013.699	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	X		
649	1.004.666	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	X		
650	1.003.676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa cơ sở	X		
651	1.003.654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa cơ sở	X		
652	1.003.901	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	X		
653	2.001.641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	X		
654	1.001.822	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	X		
655	1.002.003	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa	X		
656	1.003.838	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiêm cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa	X		
657	1.003.793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	X		
658	1.003.738	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa	X		
659	1.001.106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa	X		
660	1.001.123	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	Di sản văn hóa	X		
661	2.001.591	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Di sản văn hóa	X		
662	2.001.631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa	X		
663	2.001.613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	X		
664	1.013.456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh.	Di sản văn hóa	X		
665	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	X		

666	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	X		
667	1.012.080	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	X		
668	1.012.081	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	X		
669	1.012.082	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	X		
670	1.006.412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	X		
671	1.001.082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	X		
672	1.001.091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	X		
673	1.001.376	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	Thi đua khen thưởng	X		
674	1.001.108	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	Thi đua khen thưởng	X		
675	1.001.032	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua khen thưởng	X		
676	1.000.971	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua khen thưởng	X		
677	1.000.871	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Thi đua khen thưởng	X		
678	1.000.564	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Thi đua khen thưởng	X		
679	1.001.755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
680	1.001.833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (Thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
681	1.001.809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
682	1.001.778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		

683	1.001.738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
684	1.001.229	thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
685	1.001.211	thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
686	1.001.191	thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
687	1.001.182	thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
688	1.001.147	thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
689	1.001.704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hoá và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
690	1.001.671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hoá và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	X		
691	1.013.793	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	
692	1.013.794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	
693	1.013.795	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	
694	1.01431	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa		X	
695	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa		X	
696	1.003.784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Văn hoá cơ sở	X		

697	2.001.496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế chuyên ngành văn hoá	X		
698	1.003.560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế chuyên ngành văn hoá	X		
699	1.009.403	thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	X		
700	1.009.397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	X		
701	1.009.398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	X		
702	1.009.398	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	X		
703	2.001.765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
704	1.003.384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
705	2.001.098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
706	1.005.452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
707	2.001.091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
708	2.001.087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
709	1.002.001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
710	1.001.976	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		

711	2.002.738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
712	1.001.988	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
713	1.004.508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
714	2.002.739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
715	2.002.740	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
716	2.002.772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
717	2.002.773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
718	2.002.774	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	X		
719	1.009.374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	X		
720	1.009.386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	X		
721	2.001.171	Cho phép hợp báo (trong nước)	Báo chí	X		
722	2.001.173	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	Báo chí	X		
723	1.013.781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		
724	1.013.782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		
725	1.013.783	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		
726	1.013.784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		
727	1.013.785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		

728	1.013.786	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		
729	1.013.787	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	X		
730	1.013.788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí	X		
731	1.013.789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí	X		
732	1.013.790	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí	X		
733	1.003.868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản, in và phát hành	X		
734	2.001.594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	X		
735	2.001.584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	X		
736	1.003.729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	X		
737	2.001.564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	X		
738	1.004.153	Cấp giấy phép hoạt động in	Xuất bản, in và phát hành	X		
739	2.001.744	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Xuất bản, in và phát hành	X		
740	2.001.740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản, in và phát hành	X		
741	2.001.737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản, in và phát hành	X		
742	1.003.725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Xuất bản, in và phát hành	X		
743	1.003.483	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	X		
744	1.003.114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	X		
745	1.008.201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	X		
746	1.013.698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	X		
747	1.013.699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	X		

748	1.013.700	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	X		
749	1.013.701	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	X		
750	1.003.888	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại	X		
751	2.002.312	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị hội thảo	X		
752	2.002.314	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Hội nghị hội thảo	X		
753	2.002.311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị hội thảo	X		
754	2.002.313	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Hội nghị hội thảo	X		
755	1.003.622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa cơ sở		X	
756	1.013.791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa cơ sở		X	
757	2.000.794	thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (thẩm quyền CT UBND cấp xã)	Thể dục thể thao		X	
758	1.012.084	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)	Gia đình		X	
759	1.012.085	Thủ tục Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	Gia đình		X	
760	1.013.793	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	
761	1.013.794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	
762	1.013.795	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	
763	1.011976	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	X		

764	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	X		
765	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng	X		
766	1.011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	X		
767	1.01171	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	X		
768	1.002589	Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	X		
769	1.002551	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	X		
770	1.002613	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	X		
771	1.010702	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Kiến trúc	X		
772	1.008991	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Kiến trúc	X		
773	1.008992	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Kiến trúc	X		
774	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Kiến trúc	X		
775	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	X	
776	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ	X		

777	1.002701	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ	X		
778	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ	X		
779	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ	X		
780	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ	X		
781	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Đường bộ	X		
782	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ	X		
783	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Đường bộ	X		
784	1.000028	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Đường bộ	X		
785	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ	X		
786	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	X		
787	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ	X		
788	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ	X		
789	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ	X		
790	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ	X		
791	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ	X		
792	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ	X		
793	1.00066	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	X		
794	1.000672	Công bố lại bến xe khách	Đường bộ	X		

795	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	X		
796	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ	X		
797	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Đường bộ	X		
798	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	X		
799	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	X		
800	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	X		
801	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	X		
802	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	X		
803	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	X		
804	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ	X		
805	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	X		
806	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	X		
807	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	X	X	
808	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
809	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		

810		Thiết lập khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
	1.009448					
811	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
812	1.00945	Công bố đóng khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
813	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
814	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
815	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
816	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
817	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
818	1.00946	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
819	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
820	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
821	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
822	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
823		Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
	2.001219					
824	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
825	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
826	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
827	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		

828	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
829	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
830	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	X		
831	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác	X		
832	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	X		
833	1.01296	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác	X		
834	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác		X	
835	3.0003	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	X		
836	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	X		
837	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non		X	
838	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non		X	
839	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non		X	
840	2.000632	Công nhận Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp	X		
841	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	X		
842	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	X		
843	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	X		
844	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm	Giáo dục nghề nghiệp	X		

		giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp				
845	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	X		
846	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	X		
847	1.00053	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	X		
848	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	X		
849	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	X		
850	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	X		
851	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	Giáo dục nghề nghiệp	X		
852	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	X		
853	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	X		
854	1.000252	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng	Giáo dục nghề nghiệp	X		
855	1.000249	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng	Giáo dục nghề nghiệp	X		
856	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	X		
857	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Giáo dục thường xuyên	X		

858	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	X		
859	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	X		
860	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên		X	
861	1.01297	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên		X	
862	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên		X	
863	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học		X	
864	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học	X		
865	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học	X		
866	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học	X		
867	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học		X	
868	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học		X	X
869	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học		X	X
870	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	X		X
871	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học		X	
872	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X	X	X
873	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		
874	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		X

875	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		
876	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		
877	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
878	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
879	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
880	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
881	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
882	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
883	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
884	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
885	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
886	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
887	1.008723	Chuyển đổi trường trung học, trường trung học tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
888	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		

889	1.00872	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
890	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
891	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
892	2.00068	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
893	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
894	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	X		X
895	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	X		X
896	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	X		X
897	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	X		X
898	1.00509	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh	X	X	
899	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ	X		
900	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ	X		X
901	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc			X	X
902	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Văn bằng, chứng chỉ	X		X
903	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ			X	X
904	1006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu trong trường hợp Giấy phép hoạt động mất, hỏng, rách	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
905	1012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh	X		

906	1012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
907	1012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
908	1012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
909	1012275	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
910	1012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
911	1012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
912	1012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
913	1012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
914	1012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
915	1012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
916	1012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
917	1.01229	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	X		

918	1012290	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
919	1012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
920	1003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	X		
921	1003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	X		
922	1000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm	X		
923	1000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm	X		
924	1000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm	X		
925	1014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Dược	X		
926	1002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm	X		
927	1002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	X		
928	1009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Dược	X		
929	1014082	Cấp phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt	Dược	X		
930	1001396	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược	X		
931	1014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược	X		

932	1014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược	X		
933	1014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược	X		
934	1014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược	X		
935	1014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược	X		
936	1014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược	X		
937	1014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược	X		
938	1014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động.	Dược	X		
939	1014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược	X		
940	1014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược	X		
941	1002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ phẩm	X		

942	1.003.068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Được	X		
943	1003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.	Thiết bị y tế	X		
944	1003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B.	Thiết bị y tế	X		
945	1003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.	Thiết bị y tế	X		
946	3000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	X		
947	3000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	X		
948	3000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị y tế	X		
949	1001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Phòng bệnh	X		
950	1013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh	X		
951	1013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	X		
952	1013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	X		
953	1013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Phòng bệnh	X		
954	1003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Phòng bệnh	X		
955	2000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Phòng bệnh	X		
956	1002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
957	1002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Phòng bệnh	X		
958	1013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	Phòng bệnh	X		
959	1013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Phòng bệnh	X		
960	1013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh	X		

961	1002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
962	1001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Phòng bệnh	X		
963	1001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Phòng bệnh	X		
964	1001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Phòng bệnh	X		
965	1004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
966	1004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
967	1013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
968	1013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
969	1013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
970	1013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
971	1013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
972	1013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		

973	1013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	Phòng bệnh	X		
974	1013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
975	1013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
976	1013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	Phòng bệnh	X		
977	1013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	Phòng bệnh	X		
978	1013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	Phòng bệnh	X		
979	1013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	Phòng bệnh	X		
980	1013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh	X		
981	1013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh	X		
982	1013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	X		
983	1013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	Phòng bệnh	X		

984	1013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	Phòng bệnh	X		
985	1013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	Phòng bệnh	X		
986	1013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	Tổ chức cán bộ	X		
987	1013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	Tổ chức cán bộ	X		
988	1012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT.	Y, được cử truyền	X		
989	1012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT.	Y, được cử truyền	X		
990	1012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y.	Y, được cử truyền	X		
991	1012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.	Y, được cử truyền	X		
992	1012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.	Y, được cử truyền	X		
993	1009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua khen thưởng	X		
994	1004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	X		
995	1013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	X		
996	1001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	X		
997	1014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
998	1014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
999	2000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1000	2000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		

1001	1000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1002	1013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Phòng bệnh			X
1003	1013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Phòng bệnh			X
1004	2000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội		X	
1005	1014036	Thủ tục hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng	Bảo trợ xã hội		X	
1006	1001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội		X	
1007	1001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội		X	
1008	1013821	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội		X	
1009	1013822	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội		X	
1010	1014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội		X	
1011	1014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội		X	
1012	2001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội		X	
1013	1.005438	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	X		
1014	1003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	X		
1015	1013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	X		
1016	1013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	X		

1017	1013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	X		
1018	1013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	X		
1019	2.001293	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1020	2.001278	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1021	2.001682	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1022	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1023	2001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1024	1.00386	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1025	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1026	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1027	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		

1028	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	X		
1029	2.001827	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1030	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1031	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1032	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1033	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1034	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1035	1.003486	Thủ tục Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	X		
1036	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí	X		
1037	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí	X		
1038	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
1039	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
1040	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí	X		
1041	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí	X		
1042	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí	X		

1043	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí	X		
1044	1,000,475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Kinh doanh khí	X		
1045	1,000,742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Kinh doanh khí	X		
1046	2,000,304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí	X		
1047	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí	X		
1048	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí	X		
1049	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí	X		
1050	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí	X		
1051	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí	X		
1052	1,000,706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí	X		
1053	2,000,146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí	X		
1054	1,000,667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	X		
1055	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp nặng	X		
1056	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.	Nghề thủ công mỹ nghệ	X		
1057	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1058	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1059	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1060	2,000,672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1061	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		

		dầu				
1062	2.00019	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1063	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1064	1,003,977	Cấp Giấy phép phân phối rượu.	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1065	1,005,376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu.	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1066	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1067	1,001,323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1068	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1069	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1070	1.010.696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1071	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1072	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1073	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	X		
1074	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Điện lực	X		
1075	1,013,411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	X		
1076	1,013,412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	X		
1077	1,013,416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	X		
1078	1,013,417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện lực	X		
1079	1,013,418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban	Điện lực	X		

		nhân dân cấp tỉnh				
1080	1,013,419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	X		
1081	1,013,421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện lực	X		
1082	101,342	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện lực	X		
1083	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	X		
1084	1.013989	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	X		
1085	1.01399	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	X		
1086	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện		X	
1087	2.001313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện		X	
1088	2.001283	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí		X	
1089	2.001547	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí		X	
1090	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Công nghiệp địa phương		X	
1091	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ		X	
1092	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ		X	
1093	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	X		
1094	1.013128	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Ứng phó sự cố tràn dầu		X	
1095	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	Lữ hành	X		
1096	1.00349	Thủ tục công nhận Khu du lịch cấp tỉnh	Lữ hành	X		
1097	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch,	Dịch vụ du lịch khác	X		

		căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)				
1098	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Dịch vụ du lịch khác	X		
1099	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Dịch vụ du lịch khác	X		
1100	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Dịch vụ du lịch khác	X		
1101	1.00458	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Dịch vụ du lịch khác	X		
1102	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Dịch vụ du lịch khác	X		
1103	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ	X		
1104	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1105	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ	X		
1106	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ	X		
1107	1.01397	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1108	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1109	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	X		
1110	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1111	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1112	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1113	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1114	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1115	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1116	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở	Sở hữu trí tuệ	X		

		hữu công nghiệp				
1117	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1118	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1119	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ	X		
1120	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1121	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	X		
1122	1.013971	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
1123	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
1124	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1125	2.002723	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1126	2.002722	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1127	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1128	2.00271	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1129	2.002709	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1130	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		

		quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)				
1131	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1132	1.006427	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1133	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1134	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1135	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1136	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1137	1.00269	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	X		
1138	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
1139	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
1140	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
1141	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		
1142	2.00238	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	An toàn bức xạ và hạt nhân	X		

1143	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
1144	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
1145	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
1146	2.0011	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	X		
1147	1,003,999	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	X		
1148	1,013,932	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước	Lưu trữ	X		
1149	1,013,934	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	Lưu trữ	X		
1150	1,013,937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	Lưu trữ	X		
1151	2,000,148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Việc làm	X		
1152	2,000,839	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Việc làm	X		
1153	1,010,773	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh.	Người có công	X		
1154	1,010,806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Người có công	X		
1155	1,010,807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Người có công	X		
1156	1,010,808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công	X		
1157	1,010,809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công	X		
1158	1,010,813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công	X		
1159	1,010,822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.	Người có công	X		

1160	1,010,829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công	X		
1161	1,010,831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	Người có công	X		
1162	1,010,775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006.	Người có công		X	
1163	1,013,748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	Người có công	X		
1164	1,013,747	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	Người có công	X		
1165	1,010,774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.	Người có công		X	
1166	1,010,772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công		X	
1167	1,013,743	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	Người có công		X	
1168	1,013,744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý.	Người có công		X	
1169	1,013,745	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.	Người có công		X	

1170	1,013,749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng.	Người có công		X	
1171	1,013,750	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công		X	
1172	1,010,783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý.	Người có công		X	
1173	1,010,811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý.	Người có công		X	
1174	1,014,149	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Thi đua-Khen thưởng		X	
1175	1,014,150	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Thi đua-Khen thưởng		X	
1176	1,010,777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công		X	
1177	1,010,778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công		X	
1178	1,010,781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công		X	
1179	1,010,810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công		X	
1180	1,010,814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công		X	
1181	1,010,815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công		X	
1182	1,010,817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	Người có công		X	
1183	1,010,818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.	Người có công		X	
1184	1,010,805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an.	Người có công		X	
1185	1,010,820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công		X	

1186	1,010,825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công		X	
1187	1010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Người có công		X	
1188	1010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	Người có công		X	
1189	1010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần.	Người có công		X	
1190	1010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	Người có công		X	
1191	1,001,257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan gang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Người có công		X	
1192	2,001,157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	Người có công		X	
1193	2,001,396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	Người có công		X	
1194	2,002,307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh.	Người có công		X	
1195	2,002,308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp.	Người có công		X	
1196	2,002,755	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chính sách		X	
1197	2,002,757	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975	Chính sách		X	

		đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.				
1198	1,010,785	Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công	X		
1199	1,009,642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1200	1,009,644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1201	1,009,645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1202	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1203	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện)	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1204	1,009,659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1205	1,009,661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1206	1,009,662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1207	1,009,664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1208	1,009,665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1209	1,009,671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1210	1,009,729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1211	1,009,731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	X		

1212	1,009,736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1213	2,002,058	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh	Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	X		
1214	3,000,214	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh)	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1215	2,002,665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1216	2,002,666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1217	2,002,667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1218	2,000,529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1219	2,001,061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1220	2,001,025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1221	1,002,395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1222	2,001,021	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Phát triển doanh nghiệp nhà nước	X		
1223	1,009,491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	X		
1224	1,009,492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	X		
1225	1,009,493	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	X		

1226	1,009,494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	X		
1227	2,002,603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Quản lý đấu thầu	X		
1228	1,012,507	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	X		
1229	1,012,508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	X		
1230	1,012,509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	X		
1231	1,012,510	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quản lý đấu thầu	X		
1232	1,012,735	Hiệp thương giá	Quản lý giá	X		
1233	3000433	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản KCHT đường sắt đô thị.	Quản lý công sản	x		
1234	3,000,410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Quản lý công sản	X	X	
1235	3,000,291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản	X		
1236	2,000,765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	X		
1237	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
1238	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		X	
1239	1.000894	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch		X	
1240	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch		X	
1241	2.000986	Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ	Hộ tịch		X	
1242	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	X		
1243	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	X		
1244	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	X		
1245	1.00121	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	X		
1246	1.00316	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	X		
1247	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi		X	
1248	1.001233	Thay đổi nội dung giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	X		
1249	2.00084	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	X		

1250	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	X		
1251	1.00201	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	X		
1252	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	X		
1253	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	X		
1254	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	X		
1255	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	X		
1256	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	X		
1257	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	X		
1258	1.002384	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	X		
1259	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	X		
1260	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	X		
1261	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	X		
1262	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	X		
1263	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư	X		
1264	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	X		
1265	1.008929	Thành lập Văn phòng thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1266	1.00893	Đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1267	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1268	1.008928	Cấp lại thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1269	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1270	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1271	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1272	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng thừa phát lại	Thừa phát lại	X		
1273	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	X		
1274	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	X		
1275	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	X		

1276	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	X		
1277	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	X		
1278	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	X		
1279	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	X		
1280	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	X		
1281	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	X		
1282	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	X		
1283	1.001125	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	X		
1284	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	X		
1285	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn Phòng công chứng	Công chứng	X		
1286	1.01383	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	X		
1287	1.013859	Cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	X		
1288	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	X		
1289	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	X		
1290	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	X		
1291	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	X		
1292	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	X		
1293	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	X		
1294	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	X		
1295	1.00039	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	X		
1296	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	X		
1297	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	X		

1298	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	X		
1299	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	X		
1300	2.00113	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
1301	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
1302	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	X		
1303	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	X		
1304	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực		X	
1305	1.001.029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	X		
1306	1.000.963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa cơ sở	X		
1307	1.001.008	Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa cơ sở	X		
1308	1.000.922	thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa cơ sở	X		
1309	1.003.646	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Di sản văn hóa	X		
1310	1.003.835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Di sản văn hóa	X		
1311	1.013.792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		X	

1312	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở	X		
1313	1.012884	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Nhà ở	X		
1314	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Nhà ở	X		
1315	1.0129	Cấp giấy phép hoạt động của sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản	X		
1316	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản	X		
1317	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản	X		
1318	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản	X		
1319	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Kinh doanh bất động sản	X		
1320	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản	X		
1321	1.01291	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản	X		
1322	1.009791. H29	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	X		
1323	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	X		
1324	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	X		
1325	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	X		
1326	1.013219. H29	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	Hoạt động xây dựng	X		

1327	1.011711	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	X		
1328	1.00265	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: hệ thống cốp pha trượt; hệ thống cốp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng)	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	X		
1329	1.002636	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	X		
1330	1.008989	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	Kiến trúc	X		
1331	1.00899	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	Kiến trúc	X		
1332	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	X	X
1333	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	X	X

1334	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	X	X
1335	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	X	X
1336	1.008992	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Đường bộ	X		
1337	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	X		
1338	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	X		
1339	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Đường bộ	X		
1340	1.00521	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ	X		
1341	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Đường bộ	X		
1342	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	X		
1343	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	X		
1344	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	X		
1345	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	X		
1346	1.001725	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	X		
1347	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	X		
1348	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	X		
1349	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ	X		
1350	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ	X		

1351	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ	X		
1352	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	X	X	
1353	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	X	X	
1354	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1355	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1356	1.00313	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		X
1357	1.001223	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1358	1.00094	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1359	1.00094	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1360	<u>1.000892</u>	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1361	<u>2.000378</u>	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1362	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1363	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1364	<u>1.013468</u>	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1365	<u>1.00187</u>	Đổi tên cảng cạn	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1366	<u>1.00357</u>	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1367	<u>1.004239</u>	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1368	1.004137	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1369	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1370	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		

1371	<u>1.00944</u>	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1372	<u>1.009441</u>	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1373	<u>1.00364</u>	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1374	<u>1.004312</u>	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1375	<u>1.003829</u>	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VRSB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1376	<u>1.004304</u>	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1377	1.004312	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐCP)	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1378	1.004028	Tàu biển nhập cảnh	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1379	<u>1.004004</u>	Tàu biển xuất cảnh	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		

1380	2.001655	Tàu biển quá cảnh	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1381	<u>2.00158</u>	Tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử	Hàng hải & đường thủy nội địa	X		
1382	<u>1.009443</u>	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1383	<u>1.009444</u>	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1384	<u>1.009447</u>	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1385	<u>1.009465</u>	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1386	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1387	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1388	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1389	2.00171	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1390	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1391	1.00397	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1392	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1393	<u>1.00393</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1394	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	X	
1395	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1396	1.005126	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	X		
1397	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	X		
1398	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt	X		

1399	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	X		
1400	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	X		
1401	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Đường sắt	X		
1402	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	X		
1403	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	X		
1404	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	X		
1405	1.01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	X		
1406	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	X		
1407	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	X		
1408	1.005071	Cấp Giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác	Đường sắt	X		
1409	1.009479	Cấp Giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam	Đường sắt	X		
1410	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu	Đường sắt	X		
1411	<u>1.005085</u>	Cấp Giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị cho người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp	Đường sắt	X		
1412	<u>1.001322.</u> <u>H29</u>	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm	X		
1413	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm	X		
1414	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm	X		
1415	1.01311	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm	X		
1416	<u>1.001284</u>	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Đăng kiểm	X		
1417	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	Đăng kiểm	X		

1418	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Đăng kiểm	X		
1419	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Đăng kiểm	X		
1420	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	Đăng kiểm	X		
1421	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Đăng kiểm	X		
1422	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Đăng kiểm	X		
1423	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	Đăng kiểm	X		
1424	1.013101	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm	X		
1425	<u>1.002693</u>	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	X		
1426	1.009994	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/ín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	X		
1427	1.009995	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	X		
1428	1.009996	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	X		

1429	1.009997	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	X		
1430	1.009998	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	X		
1431	1.009999	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	X		
1432	1.012888	Thủ tục công nhận Ban Quản trị nhà chung cư	Nhà ở	X		
1433	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1434	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1435	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1436	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1437	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1438	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		

		dễ quan sát				
1439	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1440	1.009453.00.00.00.H29	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1441	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1442	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1443	1.00365	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1444	1.00504	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa	X		
1445	1,014,010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1446	1,014,011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1447	2,000,025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1448	2,000,027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1449	1,000,091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	X		
1450	1,013,034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Phòng bệnh	X		X
1451	1.012672	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1452	1.012661	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1453	1.012659	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1454	1.012658	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1455	1.012641	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1456	<u>1.012639</u>	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		

1457	1.012637	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1458	1.012632	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	x		
1459	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo		x	
1460	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo		x	
1461	1.01259	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo		x	
1462	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tín ngưỡng, tôn giáo		x	
1463	1.012222	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc		x	
1464	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc		x	
1465	<u>1.012958</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1466	<u>1.005008</u>	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1467	<u>1.004988</u>	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1468	<u>1.004999</u>	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1469	<u>2.001987</u>	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1470	<u>3.000297</u>	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1471	<u>3.000298</u>	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1472	<u>3.000299</u>	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1473	<u>3.000301</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1474	<u>3.000302</u>	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1475	<u>3.000303</u>	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1476	<u>3.000304</u>	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1477	<u>3.000306</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học	Các cơ sở giáo dục khác	X		

		phổ thông				
1478	<u>1.012959</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác	X		
1479	<u>3.000309</u>	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác		X	
1480	<u>1.00639</u>	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non		X	
1481	<u>1.006445</u>	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non		X	
1482	<u>1.006444</u>	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non		X	
1483	<u>1.012971</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Giáo dục mầm non		X	
1484	<u>1.012972</u>	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Giáo dục mầm non		X	
1485	<u>1.012973</u>	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Giáo dục mầm non		X	
1486	<u>1.013759</u>	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1487	<u>1.01376</u>	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1488	<u>1.013762</u>	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1489	<u>1.013764</u>	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1490	<u>1.013765</u>	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1491	<u>1.000138</u>	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1492	<u>1.000154</u>	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước	Giáo dục nghề nghiệp	X		

		ngoài				
1493	<u>1.000509</u>	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1494	<u>1.010927</u>	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1495	<u>2.00013</u>	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1496	<u>1.000159</u>	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp	X		
1497	<u>3.000317</u>	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	X		
1498	<u>3.000316</u>	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	X		
1499	<u>1.013755</u>	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên	X		
1500	<u>1.013756</u>	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	X		
1501	<u>1.013757</u>	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên	X		
1502	<u>1.013751</u>	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	X		
1503	<u>1.013752</u>	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	X		
1504	<u>1.013753</u>	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	X		
1505	<u>3.000307</u>	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên		X	
1506	<u>1.012963</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học		X	
1507	<u>2.001842</u>	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học		X	
1508	<u>1.004563</u>	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.	Giáo dục tiểu học		X	
1509	<u>1.004552</u>	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học		X	

1510	<u>1.012953</u>	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	X		
1511	<u>1.012954</u>	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	X		
1512	<u>1.012964</u>	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học		X	
1513	<u>1.012965</u>	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học		X	
1514	<u>1.012967</u>	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học		X	
1515	<u>1.012966</u>	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học		X	
1516	<u>1.000729</u>	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X		
1517	<u>1.008724</u>	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		X	
1518	<u>1.008725</u>	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		X	
1519	<u>1.000288</u>	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X	X	
1520	<u>1.00028</u>	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X	X	
1521	<u>1.000691</u>	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	X	X	
1522	<u>1.000718</u>	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		

		thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam				
1523	<u>2.000545</u>	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
1524	<u>2.000729</u>	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	X		
1525	<u>1.000259</u>	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Kiểm định chất lượng giáo dục	X		
1526	<u>1.000715</u>	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	X	X	
1527	<u>1.000713</u>	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	X	X	
1528	<u>1.000711</u>	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	X	X	
1529	<u>2000552</u>	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
1530	<u>1001138</u>	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
1531	<u>1012278</u>	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
1532	<u>1012279</u>	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
1533	<u>1012280</u>	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
1534	<u>1012261</u>	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	X		
1535	<u>1003055</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	X		
1536	<u>1009566</u>	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	X		
1537	<u>1014076</u>	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược	X		

1538	<u>1014202</u>	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc	Dược	X		
1539	<u>1013869</u>	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Phòng bệnh	X		
1540	<u>1013878</u>	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	Phòng bệnh	X		
1541	<u>1013884</u>	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	Phòng bệnh	X		
1542	<u>1013893</u>	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	Phòng bệnh	X		
1543	<u>1013865</u>	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	Phòng bệnh	X		
1544	<u>1013845</u>	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	X		
1545	<u>2000997</u>	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Phòng bệnh			X
1546	<u>2000993</u>	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Phòng bệnh			X
1547	<u>2000981</u>	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	Phòng bệnh			X
1548	<u>2000972</u>	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	Phòng bệnh			X
1549	<u>1002204</u>	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Phòng bệnh			X
1550	<u>1001699</u>	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội		X	
1551	<u>1001653</u>	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội		X	
1552	<u>1,009,748</u>	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1553	<u>1,009,756</u>	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1554	<u>1,009,757</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	X		

1555	<u>1,009,759</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1556	<u>1,009,760</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1557	<u>1,009,762</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1558	<u>1,009,763</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1559	<u>1,009,764</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1560	<u>1,009,765</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1561	<u>1,009,766</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1562	<u>1,009,767</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1563	<u>1,009,768</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3	Đầu tư tại Việt Nam	X		

		Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)				
1564	<u>1,009,769</u>	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1565	<u>1,009,770</u>	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1566	<u>1,009,771</u>	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1567	<u>1,009,772</u>	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1568	<u>1,009,774</u>	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1569	<u>1,009,773</u>	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1570	<u>1,009,775</u>	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1571	<u>1,009,776</u>	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1572	<u>1,009,777</u>	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1573	<u>2,002,725</u>	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1574	<u>2,002,726</u>	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1575	<u>2,002,727</u>	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	X		
1576	<u>2,002,058</u>	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh	Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	X		
1577	<u>1,006,221</u>	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Quản lý công sản	X		
1578	<u>1,006,222</u>	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học	Quản lý công sản	X		

		và công nghệ ngân sách hỗ trợ				
1579	<u>3,000,424</u>	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Quản lý công sản	X		
1580	<u>3,000,425</u>	Khai thác tài sản KCHT đường sắt đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	Quản lý công sản	X		
1581	<u>3,000,426</u>	Cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt đô thị.	Quản lý công sản	X		
1582	<u>3,000,428</u>	Thu hồi tài sản KCHT đường sắt đô thị.	Quản lý công sản	X		
1583	<u>3,000,429</u>	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt đô thị.	Quản lý công sản	X		
1584	<u>3,000,430</u>	Chuyển giao tài sản KCHT đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý	Quản lý công sản	X		
1585	<u>3,000,431</u>	Thanh lý tài sản KCHT đường sắt đô thị.	Quản lý công sản	X		
1586	<u>3,000,432</u>	Xử lý tài sản KCHT đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý công sản	X		
1587	<u>3,000,434</u>	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản	X		
1588	<u>1,011,769</u>	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Quản lý công sản	X		
1589	<u>3,000,257</u>	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản	X		
1590	<u>3,000,256</u>	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Quản lý công sản	X		
1591	<u>3,000,327</u>	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản		X	
1592	<u>3,000,328</u>	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	X		
1593	<u>3,000,326</u>	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản		X	
1594	<u>3,000,324</u>	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	X		
1595	<u>2,000,746</u>	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo ND số 57/2018/ND-CP	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	X		

1596	<u>3,000,161</u>	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Dịch vụ tài chính	X		
1597	<u>1,008,603</u>	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Phí, lệ phí		X	
1598	<u>1,013,040</u>	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Phí, lệ phí		X	
1599	<u>3,000,251</u>	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Chính sách thuế	X		
1600	<u>3,000,262</u>	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	Chính sách thuế	X		
1601	<u>3,000,253</u>	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại tem kiểm định và tem nộp phí sử dụng đường bộ	Chính sách thuế	X		
1602	<u>3,000,254</u>	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Chính sách thuế	X		
1603	<u>3,000,255</u>	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	Chính sách thuế	X		
1604	<u>1,011,729</u>	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng – cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc nhóm 98.22	Chính sách thuế	X		
1605	2.002621	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Liên thông Y tế, Tư pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội	X	X	X
1606	2.002622	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Liên thông Tư pháp, Công an, Lao động – Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội	X	X	X
1607	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	X		
1608	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	X		
1609	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Đất đai	X		
1610	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
1611	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
1612	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Bảo vệ thực vật	X		

1613	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
1614	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
1615	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật	X		
1616	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Bảo vệ thực vật	X		
1617	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Bảo vệ thực vật	X		
1618	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Bảo vệ thực vật	X		
1619	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1620	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	X		
1621	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1622	1.01207	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	X		
1623	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1624	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1625	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1626	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	Trồng trọt	X		
1627	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	Trồng trọt	X		

1628	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	X		
1629	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1630	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1631	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1632	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	X		
1633	1.012	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	X		
1634	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	X		
1635	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt	X		
1636	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt	X		
1637	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt		X	
1638	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi	X		
1639	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	X		
1640	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Chăn nuôi	X		
1641	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Chăn nuôi	X		
1642	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi	X		
1643	3.00013	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi	X		
1644	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi	X		
1645	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi	X		
1646	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	X		

1647	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	X		
1648	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi		X	
1649	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	X		
1650	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	X		
1651	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y	X		
1652	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y	X		
1653	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	Thú y	X		
1654	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	X		
1655	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thú y	X		
1656	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	Thú y	X		
1657	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	X		
1658	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	X		

1659	1.003695	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	X		
1660	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	X		
1661	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn		X	
1662	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Thủy sản	X		
1663	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	X		
1664	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	X		
1665	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do Trung ương quản lý)	Thủy sản	X		
1666	1.00365	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	X		
1667	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	X		
1668	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản	X		
1669	1.004.697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản	X		
1670	1.004.694	Công bố mở cảng cá loại II	Thủy sản	X		
1671	1.004.692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản	X		
1672	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản			X
1673	1.00359	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Thủy sản			X
1674	1.004.680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	X		
1675	1.004.656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác	Thủy sản	X		

		từ tự nhiên				
1676	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	X		
1677	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	X		
1678	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Thủy sản	X		
1679	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản	X		
1680	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	X		
1681	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	X		
1682	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản	X		
1683	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản		X	
1684	1.004.498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản		X	
1685	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản		X	
1686	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X		
1687	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	X		
1688	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh	Khí tượng thủy văn	X		
1689	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh	Khí tượng thủy văn	X		
1690	1.014026	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng thủy văn	X		
1691	1.000.987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	X		
1692	1.000.970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng	Khí tượng thủy văn	X		

		thủy văn				
1693	1.000.943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	X		
1694	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	X		
1695	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	X		
1696	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước	X		
1697	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	X		
1698	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Tài nguyên nước	X		
1699	2.00177	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước	X		
1700	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	X		
1701	1.0125	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	X		
1702	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	X		
1703	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	X		
1704	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	X		
1705	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	X		
1706	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	X		
1707	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	X		
1708	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước		X	
1709	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	X		
1710	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1711	3.00018	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		

		mất, bị hỏng				
1712	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1713	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1714	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1715	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1716	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1717	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1718	3.00016	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1719	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1720	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1721	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1722	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1723	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	X		
1724	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm		X	
1725	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	X		
1726	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	X		
1727	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường		X	
1728	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
1729	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
1730	1.008675	Cấp Giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
1731	1.00416	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		

1732	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
1733	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	X		
1734	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai		X	
1735	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai		X	
1736	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1737	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1738	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1739	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1740	1.00387	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1741	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		

1742	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1743	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1744	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1745	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1746	1.00388	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1747	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1748	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1749	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1750	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	X		
1751	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn	Thủy lợi	X		

		UBND Cấp Tỉnh quản lý				
1752	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND Cấp Tỉnh quản lý	Thủy lợi	X		
1753	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	Thủy lợi	X		
1754	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	Thủy lợi	X		
1755	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi		X	
1756	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi		X	
1757	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi		X	
1758	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi		X	
1759	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi		X	
1760	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi		X	
1761	1.00344	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi		X	
1762	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc và Bản đồ	X		
1763	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc và Bản đồ	X		
1764	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tổng hợp	X		
1765	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Khoa học và Công nghệ	X		

1766	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	Khoa học và Công nghệ	X		
1767	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Khuyến nông	X		
1768	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Khuyến nông		X	
1769	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp	X		
1770	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Giao thông vận tải	X		
1771	1.01326	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Giao thông vận tải	X		
1772	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Giao thông vận tải	X		
1773	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Giao thông vận tải	X		
1774	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Giao thông vận tải	X		
1775	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Giao thông vận tải	X		
1776	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)		X	
1777	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)		X	
1778	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)		X	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ